

**UỶ BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 3322/QĐ-UBND ngày 24/9/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BXD ngày 01/7/2013 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở;*

*Căn cứ Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 25/7/2017 của Chính phủ về việc thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 27/6/2019 của Chính phủ về việc thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ Văn bản số 2047/LĐTBXH-NCC ngày 25/5/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thẩm định Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở;*

*Căn cứ các Văn bản của Bộ Xây dựng: số 3017/BXD-QLN ngày 26/12/2019 về việc thực hiện Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 27/6/2019 của Chính phủ; số 240/BXD-QLN ngày 17/01/2020 về việc thông báo kết quả kiểm tra việc thực hiện hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg tại tỉnh Thanh Hóa;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Văn bản số 7995/SXD-QLN ngày 18/12/2020.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 3322/QĐ-UBND ngày 24/9/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc

phê duyệt Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

1. Tổng số hộ gia đình người có công với cách mạng được hỗ trợ về nhà ở: 21.190 hộ (gồm: số hộ được hỗ trợ xây mới nhà ở là 10.502, số hộ được hỗ trợ sửa chữa nhà ở là 10.688); trong đó, về nguồn kinh phí:

- Số hộ được hỗ trợ bằng nguồn kinh phí Ngân sách Trung ương (95%) và Ngân sách tỉnh (5%) theo Đề án: 21.094 hộ (gồm: số hộ được hỗ trợ xây mới nhà ở là 10.461, số hộ được hỗ trợ sửa chữa nhà ở là 10.633).

- Số hộ được hỗ trợ bằng nguồn kinh phí ngân sách huyện (100%) theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 25/7/2017 của Chính phủ (Trường hợp thuộc diện được hỗ trợ mà cả người có công và vợ (chồng) của người đó đều đã chết, hiện nay con của họ đang sinh sống tại nhà ở đó có khó khăn về nhà ở): 96 hộ (gồm: số hộ được hỗ trợ xây mới nhà ở là 41, số hộ được hỗ trợ sửa chữa nhà ở là 55).

*(Danh sách hộ gia đình người có công với cách mạng được hỗ trợ về nhà ở của từng địa phương đã được UBND các huyện, thị xã, thành phố phê duyệt).*

2. Tổng nhu cầu kinh phí hỗ trợ: 633.840 triệu đồng; trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 599.545 triệu đồng;

- Ngân sách tỉnh: 31.555 triệu đồng;

- Ngân sách huyện: 2.740 triệu đồng.

3. Phân nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ:

- Hỗ trợ 21.094 hộ (gồm: số hộ được hỗ trợ xây mới nhà ở là 10.461, số hộ được hỗ trợ sửa chữa nhà ở là 10.633) với kinh phí 631.100 triệu đồng; trong đó: Ngân sách Trung ương (95%) là 599.545 triệu đồng; Ngân sách tỉnh (5%) là 31.555 triệu đồng.

- Hỗ trợ 96 hộ (gồm: số hộ được hỗ trợ xây mới nhà ở là 41, số hộ được hỗ trợ sửa chữa nhà ở là 55) với kinh phí 2.740 triệu đồng (Ngân sách huyện 100%).

4. Tiến độ thực hiện:

- Giai đoạn 1 (năm 2013): Đã hoàn thành 1.232 hộ (gồm: số hộ được hỗ trợ xây mới nhà ở là 853, số hộ được hỗ trợ sửa chữa nhà ở là 379).

- Giai đoạn 2 (năm 2017 - 2019): Đã hoàn thành 19.958 hộ (gồm: số hộ được hỗ trợ xây mới nhà ở là 9.649, số hộ được hỗ trợ sửa chữa nhà ở là 10.309).

*(Chi tiết có Phụ lục 1, Phụ lục 2 kèm theo Quyết định này).*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Tài chính phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan, hướng dẫn các địa phương thực hiện thanh quyết toán; thu hồi kinh phí còn dư đối với các địa phương còn dư kinh phí đã cấp, trình UBND tỉnh hoàn trả ngân sách Trung ương theo quy định.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm rà soát, đảm bảo về tính chính xác của Danh sách hộ gia đình người có công với cách mạng được hỗ trợ về nhà ở trên địa bàn đã được UBND các huyện, thị xã, thành phố phê duyệt theo quy định.

## **Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như điều 3 QĐ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - TB &XH (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Xây dựng, KHĐT, Tài chính, LĐTB&XH;
- UBND các huyện, thị xã, tp;
- Lưu: VT, CN.(M12.13)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đầu Thanh Tùng**

PHỤ LỤC 1

TỔNG HỢP SỐ LIỆU HỖ TRỢ NHÀ Ở ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MANG THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 22/2013/QĐ-TTg NGÀY 26/4/2013 CỦA THU TƯỚNG CHÍNH PHỦ;  
NGHỊ QUYẾT 63/NQ-CP NGÀY 25/7/2017, NGHỊ QUYẾT 46/NQ-CP NGÀY 27/6/2019 CỦA CHÍNH PHỦ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

| STT | Đơn vị<br>(huyện, thị xã, thành phố) | Số liệu giai đoạn 1 (năm 2013) |          |          |                              |                |                | Số liệu giai đoạn 2 (năm 2017 - 2019) |          |          |                              |                 |                 | Tổng 02 giai đoạn |                            |                             |                              |                            |                             |
|-----|--------------------------------------|--------------------------------|----------|----------|------------------------------|----------------|----------------|---------------------------------------|----------|----------|------------------------------|-----------------|-----------------|-------------------|----------------------------|-----------------------------|------------------------------|----------------------------|-----------------------------|
|     |                                      | Số hộ (hộ)                     |          |          | Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng) |                |                | Số hộ (hộ)                            |          |          | Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng) |                 |                 | Số hộ (hộ)        |                            |                             | Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng) |                            |                             |
|     |                                      | Tổng hộ                        | Trong đó |          | Tổng tiền                    | Trong đó       |                | Tổng hộ                               | Trong đó |          | Tổng tiền                    | Trong đó        |                 | Tổng hộ           | Trong đó                   |                             | Tổng tiền                    | Trong đó                   |                             |
|     |                                      |                                | Xây mới  | Sửa chữa |                              | Xây mới        | Sửa chữa       |                                       | Xây mới  | Sửa chữa |                              | Xây mới         | Sửa chữa        |                   |                            |                             |                              |                            |                             |
|     |                                      |                                |          |          |                              |                |                |                                       |          |          |                              |                 |                 |                   | Xây mới (40 triệu đồng/hộ) | Sửa chữa (20 triệu đồng/hộ) |                              | Xây mới (40 triệu đồng/hộ) | Sửa chữa (20 triệu đồng/hộ) |
| (A) | (B)                                  | (1)=(2)+<br>(3)                | (2)      | (3)      | (4)=(5)+(6)                  | (5)=(2)*<br>40 | (6)=(3)*<br>20 | (7)=(8)+(9)                           | (8)      | (9)      | (10)=(11)+(12)               | (11)=(8)*4<br>0 | (12)=(9)*2<br>0 | (13)=(14)+(15)    | (14)=(2)+(8)               | (15)=(3)+(9)                | (16)=(17)+(18)               | (17)=(5)+(11)              | (18)=(6)+(12)               |
| 1   | TP. Thanh Hóa                        | 42                             | 32       | 10       | 1.480                        | 1.280          | 200            | 346                                   | 158      | 188      | 10.080                       | 6.320           | 3.760           | 388               | 190                        | 198                         | 11.560                       | 7.600                      | 3.960                       |
| 2   | TX. Bim Sơn                          | 8                              | 8        | -        | 320                          | 320            | -              | 136                                   | 52       | 84       | 3.760                        | 2.080           | 1.680           | 144               | 60                         | 84                          | 4.080                        | 2.400                      | 1.680                       |
| 3   | TP. Sầm Sơn                          | 11                             | 11       | -        | 440                          | 440            | -              | 380                                   | 159      | 221      | 10.780                       | 6.360           | 4.420           | 391               | 170                        | 221                         | 11.220                       | 6.800                      | 4.420                       |
| 4   | Triệu Sơn                            | 36                             | 36       | -        | 1.440                        | 1.440          | -              | 2.472                                 | 1.016    | 1.456    | 69.760                       | 40.640          | 29.120          | 2.508             | 1.052                      | 1.456                       | 71.200                       | 42.080                     | 29.120                      |
| 5   | Đông Sơn                             | 16                             | 16       | -        | 640                          | 640            | -              | 431                                   | 287      | 144      | 14.360                       | 11.480          | 2.880           | 447               | 303                        | 144                         | 15.000                       | 12.120                     | 2.880                       |
| 6   | Hà Trung                             | 25                             | 25       | -        | 1.000                        | 1.000          | -              | 1.011                                 | 535      | 476      | 30.920                       | 21.400          | 9.520           | 1.036             | 560                        | 476                         | 31.920                       | 22.400                     | 9.520                       |
| 7   | Hậu Lộc                              | 27                             | 27       | -        | 1.080                        | 1.080          | -              | 813                                   | 384      | 429      | 23.940                       | 15.360          | 8.580           | 840               | 411                        | 429                         | 25.020                       | 16.440                     | 8.580                       |
| 8   | Hoằng Hóa                            | 43                             | 43       | -        | 1.720                        | 1.720          | -              | 495                                   | 349      | 146      | 16.880                       | 13.960          | 2.920           | 538               | 392                        | 146                         | 18.600                       | 15.680                     | 2.920                       |
| 9   | Nga Sơn                              | 27                             | 27       | -        | 1.080                        | 1.080          | -              | 1.386                                 | 772      | 614      | 43.160                       | 30.880          | 12.280          | 1.413             | 799                        | 614                         | 44.240                       | 31.960                     | 12.280                      |
| 10  | TX. Nghi Sơn                         | 34                             | 34       | -        | 1.360                        | 1.360          | -              | 793                                   | 207      | 586      | 20.000                       | 8.280           | 11.720          | 827               | 241                        | 586                         | 21.360                       | 9.640                      | 11.720                      |
| 11  | Vĩnh Lộc                             | 16                             | 16       | -        | 640                          | 640            | -              | 277                                   | 150      | 127      | 8.540                        | 6.000           | 2.540           | 293               | 166                        | 127                         | 9.180                        | 6.640                      | 2.540                       |
| 12  | Yên Định                             | 29                             | 29       | -        | 1.160                        | 1.160          | -              | 1.031                                 | 637      | 394      | 33.360                       | 25.480          | 7.880           | 1.060             | 666                        | 394                         | 34.520                       | 26.640                     | 7.880                       |
| 13  | Nông Cống                            | 33                             | 33       | -        | 1.320                        | 1.320          | -              | 1.425                                 | 617      | 808      | 40.840                       | 24.680          | 16.160          | 1.458             | 650                        | 808                         | 42.160                       | 26.000                     | 16.160                      |
| 14  | Thiệu Hóa                            | 28                             | 28       | -        | 1.120                        | 1.120          | -              | 1.769                                 | 1.299    | 470      | 61.360                       | 51.960          | 9.400           | 1.797             | 1.327                      | 470                         | 62.480                       | 53.080                     | 9.400                       |
| 15  | Quảng Xương                          | 30                             | 30       | -        | 1.200                        | 1.200          | -              | 797                                   | 368      | 429      | 23.300                       | 14.720          | 8.580           | 827               | 398                        | 429                         | 24.500                       | 15.920                     | 8.580                       |
| 16  | Thọ Xuân                             | 41                             | 41       | -        | 1.640                        | 1.640          | -              | 1.350                                 | 687      | 663      | 40.740                       | 27.480          | 13.260          | 1.391             | 728                        | 663                         | 42.380                       | 29.120                     | 13.260                      |
| 17  | Bá Thước                             | 92                             | 46       | 46       | 2.760                        | 1.840          | 920            | 1.006                                 | 464      | 542      | 29.400                       | 18.560          | 10.840          | 1.098             | 510                        | 588                         | 32.160                       | 20.400                     | 11.760                      |
| 18  | Cẩm Thủy                             | 80                             | 40       | 40       | 2.400                        | 1.600          | 800            | 918                                   | 303      | 615      | 24.420                       | 12.120          | 12.300          | 998               | 343                        | 655                         | 26.820                       | 13.720                     | 13.100                      |
| 19  | Lạng Chánh                           | 44                             | 22       | 22       | 1.320                        | 880            | 440            | 565                                   | 177      | 388      | 14.840                       | 7.080           | 7.760           | 609               | 199                        | 410                         | 16.160                       | 7.960                      | 8.200                       |
| 20  | Mường Lát                            | 14                             | 8        | 6        | 440                          | 320            | 120            | -                                     | -        | -        | -                            | -               | -               | 14                | 8                          | 6                           | 440                          | 320                        | 120                         |
| 21  | Ngọc Lặc                             | 88                             | 44       | 44       | 2.640                        | 1.760          | 880            | 306                                   | 167      | 139      | 9.460                        | 6.680           | 2.780           | 394               | 211                        | 183                         | 12.100                       | 8.440                      | 3.660                       |
| 22  | Quan Hóa                             | 72                             | 36       | 36       | 2.160                        | 1.440          | 720            | 140                                   | 51       | 89       | 3.820                        | 2.040           | 1.780           | 212               | 87                         | 125                         | 5.980                        | 3.480                      | 2.500                       |
| 23  | Thường Xuân                          | 68                             | 34       | 34       | 2.040                        | 1.360          | 680            | 321                                   | 138      | 183      | 9.180                        | 5.520           | 3.660           | 389               | 172                        | 217                         | 11.220                       | 6.880                      | 4.340                       |
| 24  | Quan Sơn                             | 83                             | 34       | 49       | 2.340                        | 1.360          | 980            | -                                     | -        | -        | -                            | -               | -               | 83                | 34                         | 49                          | 2.340                        | 1.360                      | 980                         |
| 25  | Thạch Thành                          | 105                            | 83       | 22       | 3.760                        | 3.320          | 440            | 1.318                                 | 523      | 795      | 36.820                       | 20.920          | 15.900          | 1.423             | 606                        | 817                         | 40.580                       | 24.240                     | 16.340                      |
| 26  | Như Xuân                             | 72                             | 36       | 36       | 2.160                        | 1.440          | 720            | 150                                   | 23       | 127      | 3.460                        | 920             | 2.540           | 222               | 59                         | 163                         | 5.620                        | 2.360                      | 3.260                       |
| 27  | Như Thanh                            | 68                             | 34       | 34       | 2.040                        | 1.360          | 680            | 322                                   | 126      | 196      | 8.960                        | 5.040           | 3.920           | 390               | 160                        | 230                         | 11.000                       | 6.400                      | 4.600                       |
|     | Tổng                                 | 1.232                          | 853      | 379      | 41.700                       | 34.120         | 7.580          | 19.958                                | 9.649    | 10.309   | 592.140                      | 385.960         | 206.180         | 21.190            | 10.502                     | 10.688                      | 633.840                      | 420.080                    | 213.760                     |

**PHỤ LỤC 2**

**TỔNG HỢP SỐ LIỆU HỖ TRỢ BẰNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (95%) VÀ NGÂN SÁCH TỈNH (5%);  
SỐ LIỆU THUỘC ĐIỂM C KHOẢN 3 ĐIỀU 1 NGHỊ QUYẾT 63/NQ-CP NGÀY 25/7/2017 CỦA CHÍNH PHỦ HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH HUYỆN (100%)**

*(Kèm theo Quyết định số                      /QĐ-UBND ngày              /              /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

| STT | Đơn vị<br>(huyện, thị xã, thành phố) | Số liệu hỗ trợ bằng nguồn ngân sách Trung ương (95%)<br>và ngân sách tỉnh (5%) |            |             |                              |                       |                        | Số liệu thuộc Điểm c Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết<br>63/NQ-CP ngày 25/7/2017 của Chính phủ,<br>hỗ trợ bằng ngân sách huyện (100%) |            |             |                                 |
|-----|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|---------------------------------|
|     |                                      | Số hộ (hộ)                                                                     |            |             | Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng) |                       |                        | Số hộ (hộ)                                                                                                                     |            |             | Kinh phí hỗ trợ<br>(triệu đồng) |
|     |                                      | Tổng<br>hộ                                                                     | Trong đó   |             | Tổng<br>tiền                 | Trong đó              |                        | Tổng<br>hộ                                                                                                                     | Trong đó   |             |                                 |
|     |                                      |                                                                                | Xây<br>mới | Sửa<br>chữa |                              | Ngân sách<br>TW (95%) | Ngân sách<br>tỉnh (5%) |                                                                                                                                | Xây<br>mới | Sửa<br>chữa |                                 |
| (A) | (B)                                  | (1)=(2)+(3)                                                                    | (2)        | (3)         | (4)=(2)*40+<br>(3)*20        | (5)=(4)*95<br>%       | (6)=(4)*5%             | (7)=(8)+(9)                                                                                                                    | (8)        | (9)         | (10)=(8)*40+(9)*<br>20          |
| 1   | TP. Thanh Hóa                        | 388                                                                            | 190        | 198         | 11.560                       | 10.982                | 578                    | -                                                                                                                              | -          | -           | -                               |
| 2   | TX. Bìn Sơn                          | 144                                                                            | 60         | 84          | 4.080                        | 3.876                 | 204                    | -                                                                                                                              | -          | -           | -                               |
| 3   | TP. Sầm Sơn                          | 391                                                                            | 170        | 221         | 11.220                       | 10.659                | 561                    | -                                                                                                                              | -          | -           | -                               |
| 4   | Triệu Sơn                            | 2.494                                                                          | 1.049      | 1.445       | 70.860                       | 67.317                | 3.543                  | 14                                                                                                                             | 3          | 11          | 340                             |
| 5   | Đông Sơn                             | 447                                                                            | 303        | 144         | 15.000                       | 14.250                | 750                    | -                                                                                                                              | -          | -           | -                               |
| 6   | Hà Trung                             | 1.036                                                                          | 560        | 476         | 31.920                       | 30.324                | 1.596                  | -                                                                                                                              | -          | -           | -                               |
| 7   | Hậu Lộc                              | 840                                                                            | 411        | 429         | 25.020                       | 23.769                | 1.251                  | -                                                                                                                              | -          | -           | -                               |
| 8   | Hoảng Hóa                            | 538                                                                            | 392        | 146         | 18.600                       | 17.670                | 930                    | -                                                                                                                              | -          | -           | -                               |
| 9   | Nga Sơn                              | 1.413                                                                          | 799        | 614         | 44.240                       | 42.028                | 2.212                  | -                                                                                                                              | -          | -           | -                               |
| 10  | TX. Nghi Sơn                         | 827                                                                            | 241        | 586         | 21.360                       | 20.292                | 1.068                  | -                                                                                                                              | -          | -           | -                               |
| 11  | Vĩnh Lộc                             | 293                                                                            | 166        | 127         | 9.180                        | 8.721                 | 459                    | -                                                                                                                              | -          | -           | -                               |
| 12  | Yên Định                             | 1.060                                                                          | 666        | 394         | 34.520                       | 32.794                | 1.726                  | -                                                                                                                              | -          | -           | -                               |
| 13  | Nông Cống                            | 1.452                                                                          | 648        | 804         | 42.000                       | 39.900                | 2.100                  | 6                                                                                                                              | 2          | 4           | 160                             |
| 14  | Thiệu Hóa                            | 1.797                                                                          | 1.327      | 470         | 62.480                       | 59.356                | 3.124                  | -                                                                                                                              | -          | -           | -                               |
| 15  | Quảng Xương                          | 811                                                                            | 388        | 423         | 23.980                       | 22.781                | 1.199                  | 16                                                                                                                             | 10         | 6           | 520                             |
| 16  | Thọ Xuân                             | 1.370                                                                          | 716        | 654         | 41.720                       | 39.634                | 2.086                  | 21                                                                                                                             | 12         | 9           | 660                             |
| 17  | Bá Thước                             | 1.098                                                                          | 510        | 588         | 32.160                       | 30.552                | 1.608                  | -                                                                                                                              | -          | -           | -                               |
| 18  | Cẩm Thủy                             | 998                                                                            | 343        | 655         | 26.820                       | 25.479                | 1.341                  | -                                                                                                                              | -          | -           | -                               |
| 19  | Lạng Chánh                           | 609                                                                            | 199        | 410         | 16.160                       | 15.352                | 808                    | -                                                                                                                              | -          | -           | -                               |
| 20  | Mường Lát                            | 14                                                                             | 8          | 6           | 440                          | 418                   | 22                     | -                                                                                                                              | -          | -           | -                               |
| 21  | Ngọc Lặc                             | 392                                                                            | 211        | 181         | 12.060                       | 11.457                | 603                    | 2                                                                                                                              | 0          | 2           | 40                              |
| 22  | Quan Hóa                             | 211                                                                            | 87         | 124         | 5.960                        | 5.662                 | 298                    | 1                                                                                                                              | 0          | 1           | 20                              |
| 23  | Thường Xuân                          | 389                                                                            | 172        | 217         | 11.220                       | 10.659                | 561                    | -                                                                                                                              | -          | -           | -                               |
| 24  | Quan Sơn                             | 83                                                                             | 34         | 49          | 2.340                        | 2.223                 | 117                    | -                                                                                                                              | -          | -           | -                               |
| 25  | Thạch Thành                          | 1.403                                                                          | 598        | 805         | 40.020                       | 38.019                | 2.001                  | 20                                                                                                                             | 8          | 12          | 560                             |
| 26  | Như Xuân                             | 222                                                                            | 59         | 163         | 5.620                        | 5.339                 | 281                    | -                                                                                                                              | -          | -           | -                               |
| 27  | Như Thanh                            | 374                                                                            | 154        | 220         | 10.560                       | 10.032                | 528                    | 16                                                                                                                             | 6          | 10          | 440                             |
|     | Tổng                                 | 21.094                                                                         | 10.461     | 10.633      | 631.100                      | 599.545               | 31.555                 | 96                                                                                                                             | 41         | 55          | 2.740                           |